

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2  
MÔN: TIẾNG ANH LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức						Tổng	
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng			
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)
1	Listening	8	3	8	3	4	2	20	8
2	Language	12	8	8	8			20	16
3	Reading	12	5	4	5	4	8	20	18
4	Writing	4	2	6	4	10	12	20	18
5	Speaking	4		4		12		20	
Tổng		40	18	30	20	30	22	100	60
Tỉ lệ (%)		40		30		20			
Tổng điểm		4		3		3			
Tỉ lệ chung (%)		70				30			

**BẢN ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 MÔN:**  
**TIẾNG ANH 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 phút**  
**Năm học 2024-2025**

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến thức/kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức						Tổng Số CH/ bài	
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng			
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
I.	LISTENING	1. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại trong khoảng 3 phút (khoảng 200 – 230 từ) để trả lời các dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học. (True/False hoặc Gap-filling và / hoặc dạng bài tương tự)	<b>Nhận biết:</b> - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2						2	
			<b>Thông hiểu:</b> - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.			2				2	
			<b>Vận dụng:</b> - Hiểu được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp. - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.					1		1	
		2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 3 phút (khoảng 200 – 230 từ) liên quan đến các chủ đề đã học. (MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)	<b>Nhận biết:</b> - Nghe lấy thông tin chi tiết về các chủ điểm đã học.	2						2	
			<b>Thông hiểu:</b> - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại / hội thoại để tìm câu trả lời đúng.			2				2	
			<b>Vận dụng:</b> - Hiểu được ý chính của bài					1		1	

			<p>nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.</p> <p>- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng.</p>								
<b>II.</b>	<b>LANGUAGE</b>	<p><b>Pronunciation</b>            Dạng phát âm mạnh và yếu của từ, các dạng viết/phát âm tắt, nối âm giữa phụ âm và nguyên âm, trọng âm câu &amp; nhịp điệu, nuốt âm.</p> <p>Ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý...  <i>(MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)</i></p>	<p><b>Nhận biết:</b>            - Biết cách phát âm các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ thông qua các từ vựng theo chủ điểm đã học.</p>	2						2	
			<p><b>Thông hiểu:</b>            + Phân biệt được các âm trong phần nghe.</p>								
			<p><b>Vận dụng:</b>            + Vận dụng vào kỹ năng nghe và nói các nội dung liên quan đến ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý....</p>								
		<p><b>Vocabulary</b>            Từ vựng theo các chủ điểm đã học.  <i>(MCQs hoặc Word formation và / hoặc dạng bài tương tự)</i></p>	<p><b>Nhận biết:</b>            - Nhận ra/nhớ lại/liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm đã học.</p>	2						2	
			<p><b>Thông hiểu:</b>            - Hiểu, phân biệt được các từ loại theo chủ điểm đã học.            - Nắm được các mối liên kết của từ trong ngữ cảnh, bối cảnh</p>			3				3	

			tương ứng.								
			<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng được từ vựng đã học vào các kỹ năng.								
			<b>Grammar</b> Thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành Động từ tình thái: must vs. have to... Động từ nối (be, seem ...) Động từ trạng thái dùng ở thì tiếp diễn Danh động từ (dùng như chủ ngữ, như tân ngữ...) Phân từ và mệnh đề với động từ nguyên thể có to Danh động từ hoàn thành và phân từ hoàn thành Từ nối Cấu tạo từ (danh từ ghép) Câu chủ: It is/was ... that + mệnh đề .... và các kiến thức ngữ pháp đã học. (MCQs hoặc Word formation và / hoặc dạng bài tương tự)	<b>Nhận biết:</b> - Nhận ra các kiến thức ngữ pháp đã học.	2					2	
				<b>Thông hiểu:</b> - Hiểu và phân biệt các kiến thức ngữ pháp.			1			1	
III.	READING	1. Reading comprehension Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 250-280 từ về các chủ điểm đã học. (Cloze test MCQs hoặc Matching / True-False và / hoặc dạng bài tương tự)	<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng những kiến thức ngữ pháp đã học vào bài viết / nghe / đọc.								
			<b>Nhận biết:</b> - Nhận ra các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.	3						3	
			<b>Thông hiểu:</b> - Phân biệt được các đặc điểm, đặc trưng của các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản,			1				1	
			<b>Vận dụng:</b> - Sử dụng được kiến thức kĩ					1		1	

			năng trong các tình huống mới.								
		<b>2. Reading comprehension</b> Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 250-280 từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình.  (MCQs hoặc Matching / True-False và / hoặc dạng bài tương tự)	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết các thông tin chi tiết trong bài đọc.  <b>Thông hiểu:</b> - Hiểu ý chính của bài đọc.  <b>Vận dụng:</b> - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. - Phân tích, tổng hợp ý chính của bài đọc để chọn câu trả lời phù hợp.	3						3	
						1				1	
								1		1	
<b>IV.</b>	<b>WRITING</b>	<b>1. Controlled</b> Cách dùng từ, cấu trúc, cú pháp. (MCQs hoặc Matching và / hoặc dạng bài tương tự)	<b>Nhận biết:</b> - Nhận diện dùng từ, cấu trúc, cú pháp trong các bài viết có kiểm soát như sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh, tìm lỗi sai.	2						2	
		<b>2. Guided</b> Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước. (Sentence transformation và / hoặc Sentence building và tương đương)	<b>Thông hiểu:</b> - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.				3				3
		<b>3. Freer/Free</b> Viết tóm tắt/ đoạn/ bài về chủ điểm đã học (Summary/ Passage/ Essay)	<b>Vận dụng:</b> - Phân tích đề bài, vận dụng các kiến thức đã học để viết bài có mở đầu, thân bài, kết luận – Viết các thông điệp cá nhân cho bạn bè hoặc người thân, đề nghị cung cấp thông tin và tường thuật các sự kiện liên quan. <b>Vận dụng cao:</b> – Viết đoạn văn liền mạch, đơn								1 bài - 10%

			giản khoảng 150 – 180 từ về các chủ điểm mà cá nhân quan tâm và bày tỏ quan điểm, ý kiến cá nhân.								
V.	SPEAKING	<i>(Phần SPEAKING tổ chức thi riêng buổi)</i> + <b>Nội dung:</b> - Hỏi - đáp và trình bày về các nội dung liên quan đến các chủ điểm đã học.  - Sử dụng được một số chức năng giao tiếp cơ bản như hỏi và cung cấp thông tin, bày tỏ ý kiến, .... + <b>Kỹ năng:</b> - Kỹ năng trình bày một vấn đề; sử dụng ngôn ngữ cơ thể và các biểu đạt trên khuôn mặt phù hợp; kỹ năng nói trước đám đông; ... + <b>Ngôn ngữ và cấu trúc:</b> - Ưu tiên sử dụng những cấu trúc đã học.									
		1. Introduction	<b>Nhận biết:</b> - Giới thiệu các thông tin liên quan đến bản thân (ví dụ sở thích / về thầy cô, mái trường / môn học yêu thích, ...)								(1 bài – 4%)

		<b>2. Topic speaking</b>	<b>Thông hiểu:</b> <i>- Sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để nói theo chủ đề.</i> <b>Vận dụng:</b> <i>- Sử dụng từ vựng và cấu trúc linh hoạt, diễn tả được nội dung cần nói theo những cách khác nhau. Phát âm tương đối chuẩn.</i> <i>- Hiểu, đặt câu hỏi và trả lời được câu hỏi một cách linh hoạt (của giám khảo hoặc của thành viên trong nhóm). Sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và thuần thực.</i>								(1 bài – 16%)
	<i>Tổng</i>			<i>18</i>		<i>10</i>	<i>3</i>	<i>4</i>		<i>32</i>	<i>6</i>

**DUYỆT CỦA BGH**

**GIÁO VIÊN BIÊN SOẠN**

**LÊ VĂN MINH**

**LÊ BẢO PHÚC**